

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐẮK LẮK**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 02/07/2025

V/v: Kiện Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lan.
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vịnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 07 năm 2025, tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2025 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐST- HNGĐ ngày 06 tháng 06 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 10/9/1988.

Nơi thường trú: Thôn 4, xã B, huyện K (Nay là Thôn 4, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt, có đơn xin vắng)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh ngày 10/10/1987.

Nơi thường trú: Thôn 13A, xã E, huyện K (Nay là Thôn 13A, xã E), tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 4, xã B, huyện K (Nay là Thôn 4, xã E), tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H1 đến với nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, chúng tôi tổ chức lễ cưới năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận kết hôn số 147 ngày 18/8/2017. Sau khi về chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được một năm, đến năm 2018 vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do tính cách không hợp, chồng tôi thường xuyên uống rượu, về đập phá đồ đạc trong nhà và có hành vi đánh đập tôi. Do cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên năm 2021 tôi đã làm đơn xin ly hôn, Tòa án đã phân tích hoà giải nên tôi đã rút đơn khởi kiện để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, tính cách và lối sống của anh Hoà vẫn không thay đổi.

Do cuộc sống vợ chồng không H1 thuận nên cuối năm 2023 vợ chồng sống ly thân, đến tháng 8 năm 2024, ông H1 đã thuê nhà trọ và ra ở riêng. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông H1.

- Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Văn H1 có 02 con chung, cháu Nguyễn Nhật Khánh M, sinh ngày 08/03/2018 và cháu Nguyễn Vũ Đăng N, sinh ngày 06/8/2023. Sau khi vợ chồng tôi sống ly thân thì cả hai cháu ở với tôi và do tôi trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nguyên vọng của tôi xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đắk Lắk về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp

hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Nhật Khánh M, sinh ngày 08/03/2018 và cháu Nguyễn Vũ Đăng N, sinh ngày 06/8/2023 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu, nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H khởi kiện xin ly hôn đối với ông Nguyễn Văn H1, thường trú tại thôn 13A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk và đang sinh sống tại xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc (Nay là TAND khu vực 4 – Đắk Lắk) thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn ly hôn đề ngày 18 tháng 03 năm 2025 của bà Nguyễn Thị Thu H, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06/6/2025,

tuy nhiên ông H1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H, bị đơn ông Nguyễn Văn H1 là có căn cứ.

[2]. Xét về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu H:

[2.1]. Xét về quan hệ hôn nhân:

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông H1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận thể hiện tại giấy chứng nhận đăng ký kết hôn 147 do Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 18/8/2017. Quá trình thu thập chứng cứ, bà H trình bày: “Nguyên nhân mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân do tính cách của vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông Nguyễn Văn H1 thường hay uống rượu, có hành vi đập phá đồ đạc và đánh đập bà H. Vì vậy vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay”. Do ông Nguyễn Văn H1 không tham gia tố tụng tại Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông H1 để xác định tình trạng mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị Thu H.

Để có sở sở pháp lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H1. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (Bút lục số 34a) cung cấp như sau: “Chính quyền địa phương không nắm rõ mâu thuẫn hôn nhân giữa vợ chồng ông H1, bà H vì vợ chồng ông bà không yêu cầu chính quyền địa phương hòa giải. Tuy nhiên thực tế bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H1 đã không còn sống chung với nhau từ năm 2024 cho đến nay...”.

Căn cứ lời khai của bà H và nội dung của chính quyền địa phương cung cấp, nhận thấy: Bà H và ông H1 sống ly thân từ cuối năm 2023, đến tháng 8 năm 2024, ông H1 đã thuê trọ và ra ở riêng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, điều đó chứng minh, hôn nhân giữa ông H1, bà H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Căn cứ vào điều luật viện dẫn nêu trên, xét thấy việc bà Nguyễn Thị Thu H xin ly hôn ông Nguyễn Văn H1 là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Nguyễn Văn H1 có 02 con chung, cháu Nguyễn Nhật Khánh M, sinh ngày 08/03/2018 và cháu Nguyễn Vũ Đăng N, sinh ngày 06/8/2023. Hiện nay cả hai cháu đang ở với bà H và do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông H1 không đến Toà án làm việc nên Toà án không ghi nhận được ý kiến của ông H1 về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong quá trình làm việc, bà H có nguyện vọng xin được chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn cần xem xét mọi mặt cuộc sống của các cháu nên Toà án đã tiến hành xác minh điều kiện nuôi con của bà H và ông H1. Theo kết quả xác minh tại chính quyền địa phương (Bút lục số 34a) cung cấp thì: “Bà H là dược sỹ mở tiệm bán thuốc tây và đã có chỗ ở ổn định, ông H1 đang thuê nhà mở tiệm sửa xe Honda, thu nhập thực tế của vợ chồng ông bà bao nhiêu chính quyền địa phương không nắm rõ. Sau khi ông bà sống ly thân cả hai con chung do bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, đảm bảo quyền lợi”.

Căn cứ lời trình bày của bà H và kết quả xác minh tại địa phương, nhận thấy: Bà H hiện nay đang làm dược sỹ, có mở quầy bán thuốc tây, thu nhập trung bình khoảng 15.000.000 đồng/tháng và có nhà cửa ổn định. Sau khi vợ chồng sống ly thân, bà H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các con. Ông H1 hiện nay chưa có chỗ ở ổn định, đang thuê nhà trọ ở nên việc giao hai con chung là cháu Nguyễn Nhật Khánh M và cháu Nguyễn Vũ Đăng N cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4]. Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 203; Điều 220; khoản 2 Điều 227; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 3 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu H.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu H được ly hôn với ông Nguyễn Văn H1.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Nhật Khánh M, sinh ngày 08/03/2018 và cháu Nguyễn Vũ Đăng N, sinh ngày 06/8/2023 cho bà Nguyễn Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Minh và cháu Khoa đủ tuổi 18 tuổi.

Ông Nguyễn Văn H1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn H1 không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

- Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu ông Nguyễn Văn H1 cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu H không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4- Đắk Lắk) theo biên lai số 0003109 ngày 01 tháng 04 năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4- Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đ;
- UBND xã E.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Quang Vinh